SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Địa lí lớp 11
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên học sinh.....Số báo danh.....**Mã đề 0601**

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn *(4,0 điểm)*. *Học sinh trả lời từ câu 01 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1. Nhật Bản có cơ cấu dân số già nên
A. có nguồn lao động bổ sung lớn.
B. chi phí cho phúc lợi xã hội lớn.
C. quy mô dân số tăng rất nhanh.
D. đã gây sức ép đối với việc làm.

Câu 2. Cơ cấu kinh tế của Trung Quốc thay đổi theo hướng
A. tăng nhanh tỉ trọng nông nghiệp.
B. nông nghiệp có tỉ trọng cao nhất.
C. công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
D. giảm tỉ trọng các ngành dịch vụ.

Câu 3. Đại bộ phận lãnh thổ Nhật Bản nằm trong đới khí hậu
A. cận cực. **B.** cận nhiệt đới. **C.** nhiệt đới. **D.** ôn đới.

Câu 4. Vị trí địa lí của Trung Quốc
A. tiếp giáp với nhiều quốc gia.
B. phía tây giáp Thái Bình Dương.
C. nằm ở phía nam của châu Á.
D. nằm trong khu vực ít thiên tai.

Câu 5. Vùng kinh tế có diện tích lớn nhất Nhật Bản là
A. Hôn-su. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Kiu-xiu. **D.** Hô-cai-đô.

Câu 6. Liên bang Nga có nhiều loại nông sản đặc trưng của vùng ôn đới chủ yếu do ảnh hưởng của nhân tố
A. khí hậu. **B.** đất trồng. **C.** địa hình. **D.** sông ngòi.

Câu 7. Dân cư Trung Quốc hiện nay có đặc điểm
A. tỉ lệ dân thành thị giảm nhanh.
B. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.
C. cơ cấu giới tính khá cân bằng.
D. số dân đứng thứ hai trên thế giới.

Câu 8. Dân tộc chiếm tỉ lệ lớn nhất ở Trung Quốc là
A. Hán. **B.** Tạng. **C.** Choang. **D.** Hồi.

Câu 9. Loại hình giao thông vận tải quan trọng nhất đối với hoạt động ngoại thương của Nhật Bản là
A. đường biển. **B.** đường bộ. **C.** đường sắt. **D.** đường hàng không.

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2023

(Đơn vị: USD/người)

Năm	2015	2020	2023
Trung Quốc	8 016	10 409	12 618
Nhật Bản	34 961	40 041	33 767

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?
A. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Nhật Bản giảm liên tục qua các năm.
B. Năm 2023, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu của Nhật Bản gấp 2,7 lần Trung Quốc.
C. Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc là lớn nhất.
D. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc và Nhật Bản đều giảm.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với điều kiện tự nhiên ở miền Tây Trung Quốc?
A. Địa hình hiểm trở gây khó khăn cho giao thông.
B. Đất phù sa màu mỡ thuận lợi trồng lúa gạo.
C. Nhiều thảo nguyên thuận lợi chăn nuôi gia súc.
D. Khí hậu khắc nghiệt khó khăn cho sản xuất.

Câu 12. Nhật Bản thường xuyên xảy ra động đất và núi lửa chủ yếu do
A. có đường bờ biển dài và vùng biển rộng.
B. chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu.
C. nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương.
D. địa hình núi cao chiếm phần lớn diện tích.

Câu 13. Phân bố dân cư Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?
A. Các vùng phía bắc dân cư đông.
B. Dân cư phân bố khá đồng đều.
C. Mật độ dân số trung bình thấp.
D. Tập trung chủ yếu ở nông thôn.

Câu 14. Lãnh thổ Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?

A. Lãnh thổ là một quần đảo. **B.** Nằm hoàn toàn ở châu Âu.
C. Kéo dài theo chiều bắc-nam. **D.** Diện tích lớn nhất thế giới.

Câu 15. Thuận lợi chủ yếu để Nhật Bản phát triển khai thác thủy sản là
A. có nhiều vũng vịnh nước sâu. **B.** vùng biển có nhiều ngư trường.
C. có diện tích rừng ngập mặn lớn. **D.** ven biển có nhiều bãi biển đẹp.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc là
A. thiên nhiên đa dạng, thu hút đầu tư nhiều. **B.** văn hóa đa dạng, tốc độ đô thị hóa nhanh.
C. khai thác tốt nguồn lực, chính sách hợp lí. **D.** cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai *(2,0 điểm). Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tự nhiên Trung Quốc có sự phân hóa giữa miền Đông và miền Tây. Sự phân hóa về tự nhiên đã ảnh hưởng lớn đến phân bố dân cư của Trung Quốc. Năm 2023 mật độ dân số của Trung Quốc khá cao khoảng 150 người/km^2. Ở miền Đông mật độ dân số nhiều nơi trên 250 người/km^2, còn miền Tây mật độ dân số phổ biến dưới 50 người/km^2.

a) Miền Đông Trung Quốc dân cư tập trung đông đúc chủ yếu do có điều kiện tự nhiên thuận lợi và diện tích rộng lớn hơn miền Tây.

b) Dân cư Trung Quốc phân bố không đồng đều.

c) Giải pháp chủ yếu nhằm thu hút dân cư ở miền Tây Trung Quốc là tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển kinh tế.

d) Miền Tây Trung Quốc dân cư thưa thớt gây nên tình trạng thiếu lao động, ảnh hưởng đến việc khai thác tài nguyên và khó khăn cho phát triển kinh tế.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng chè của Nhật Bản giai đoạn 2020 - 2023

Năm	2020	2021	2022	2023
Diện tích *(nghìn ha)*	39,1	38,0	36,9	36,0
Sản lượng *(nghìn tấn)*	328,8	340,0	304,0	303,2

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

a) Năm 2023, năng suất chè của Nhật Bản đạt gần 8 tấn/ha.

b) Trong giai đoạn 2020 – 2023, sản lượng chè của Nhật Bản giảm liên tục.

c) Năm 2023 so với năm 2020, diện tích chè của Nhật Bản giảm 3,1 nghìn ha.

d) Để thể hiện diện tích và sản lượng chè của Nhật Bản giai đoạn 2020 – 2023, biểu đồ tròn là thích hợp nhất.

3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn *(1,0 điểm): Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2.*

Câu 1. Năm 2023, số dân Liên bang Nga là 143,8 triệu người, sản lượng lương thực có hạt là 136, 7 triệu tấn. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của Liên bang Nga năm 2023 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Năm 2023, Nhật Bản có tỉ suất sinh thô là 6,0 ‰, tỉ suất tử thô là 13,0 ‰. Hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Nhật Bản năm 2023 là bao nhiêu phần trăm.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 *(1,0 điểm).* Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên biển đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Câu 2 *(2,0 điểm).* Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại của Nhật Bản giai đoạn 2015 – 2023

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2020	2022	2023
Xuất khẩu	775,1	785,1	916,9	917,0
Nhập khẩu	799,7	798,6	1077,0	981,8
Cán cân thương mại	-24,6	-13,5	-160,1	-64,8

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy nhận xét về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại của Nhật Bản giai đoạn 2015 – 2023. Tại sao năng lượng và nguyên liệu công nghiệp là các mặt hàng nhập khẩu chính của Nhật Bản?

—— HẾT ——

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Địa lí lớp 11
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Họ và tên học sinh.....Số báo danh.....**Mã đề 0602**

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn *(4,0 điểm). Học sinh trả lời từ câu 01 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.*

Câu 1. Thuận lợi chủ yếu để Nhật Bản phát triển khai thác thủy sản là
A. có nhiều vũng vịnh nước sâu.
B. vùng biển có nhiều ngư trường.
C. ven biển có nhiều bãi biển đẹp.
D. có diện tích rừng ngập mặn lớn.

Câu 2. Lãnh thổ Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?
A. Lãnh thổ là một quần đảo.
B. Diện tích lớn nhất thế giới.
C. Nằm hoàn toàn ở châu Âu.
D. Kéo dài theo chiều bắc-nam.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với điều kiện tự nhiên ở miền Tây Trung Quốc?
A. Đất phù sa màu mỡ rất thuận lợi trồng lúa gạo.
B. Khí hậu khắc nghiệt khó khăn cho sản xuất.
C. Địa hình hiểm trở gây khó khăn cho giao thông.
D. Nhiều thảo nguyên thuận lợi nuôi gia súc.

Câu 4. Đại bộ phận lãnh thổ Nhật Bản nằm trong đới khí hậu
A. ôn đới. **B.** nhiệt đới. **C.** cận cực. **D.** cận nhiệt đới.

Câu 5. Cơ cấu kinh tế của Trung Quốc thay đổi theo hướng
A. tăng nhanh tỉ trọng nông nghiệp.
B. công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
C. nông nghiệp có tỉ trọng cao nhất.
D. giảm tỉ trọng các ngành dịch vụ.

Câu 6. Phân bố dân cư Liên bang Nga có đặc điểm nào sau đây?
A. Dân cư phân bố khá đồng đều.
B. Mật độ dân số trung bình thấp.
C. Tập trung chủ yếu ở nông thôn.
D. Các vùng phía bắc dân cư đông.

Câu 7. Vị trí địa lí của Trung Quốc
A. phía tây giáp Thái Bình Dương.
B. tiếp giáp với nhiều quốc gia.
C. nằm ở phía nam của châu Á.
D. nằm trong khu vực ít thiên tai.

Câu 8. Nhật Bản có cơ cấu dân số già nên
A. quy mô dân số tăng rất nhanh.
B. đã gây sức ép đối với việc làm.
C. chi phí cho phúc lợi xã hội lớn.
D. có nguồn lao động bổ sung lớn.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2023

(Đơn vị: USD/người)

Năm	2015	2020	2023
Trung Quốc	8 016	10 409	12 618
Nhật Bản	34 961	40 041	33 767

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?
A. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Nhật Bản giảm liên tục qua các năm.
B. Năm 2023, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu của Nhật Bản gấp 2,7 lần Trung Quốc.
C. Năm 2020, tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc là lớn nhất.
D. Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người của Trung Quốc và Nhật Bản đều giảm.

Câu 10. Loại hình giao thông vận tải quan trọng nhất đối với hoạt động ngoại thương của Nhật Bản là
A. đường hàng không. **B.** đường biển. **C.** đường bộ. **D.** đường sắt.

Câu 11. Vùng kinh tế có diện tích lớn nhất Nhật Bản là
A. Hôn-su. **B.** Xi-cô-cư. **C.** Hô-cai-đô. **D.** Kiu-xiu.

Câu 12. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Trung Quốc là
A. cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào.
B. văn hóa đa dạng, tốc độ đô thị hóa nhanh.
C. khai thác tốt nguồn lực, chính sách hợp lí.
D. thiên nhiên đa dạng, thu hút đầu tư nhiều.

Câu 13. Nhật Bản thường xuyên xảy ra động đất và núi lửa chủ yếu do

A. chịu ảnh hưởng mạnh của biến đổi khí hậu. **B.** địa hình núi cao chiếm phần lớn diện tích.

C. nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương. **D.** có đường bờ biển dài và vùng biển rộng.

Câu 14. Dân cư Trung Quốc hiện nay có đặc điểm

A. cơ cấu giới tính khá cân bằng. **B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao.

C. số dân đứng thứ hai trên thế giới. **D.** tỉ lệ dân thành thị giảm nhanh.

Câu 15. Dân tộc chiếm tỉ lệ lớn nhất ở Trung Quốc là

A. Hồi. **B.** Hán. **C.** Tạng. **D.** Choang.

Câu 16. Liên bang Nga có nhiều loại nông sản đặc trưng của vùng ôn đới chủ yếu do ảnh hưởng của nhân tố

A. đất trồng. **B.** sông ngòi. **C.** địa hình. **D.** khí hậu.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai *(2,0 điểm). Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý* ***a), b), c), d)*** *ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng chè của Nhật Bản giai đoạn 2020 - 2023

Năm	2020	2021	2022	2023
Diện tích *(nghìn ha)*	39,1	38,0	36,9	36,0
Sản lượng *(nghìn tấn)*	328,8	340,0	304,0	303,2

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

a) Trong giai đoạn 2020 – 2023, sản lượng chè của Nhật Bản giảm liên tục.

b) Để thể hiện diện tích và sản lượng chè của Nhật Bản giai đoạn 2020–2023, biểu đồ tròn là thích hợp nhất.

c) Năm 2023 so với năm 2020, diện tích chè của Nhật Bản giảm 3,1 nghìn ha.

d) Năm 2023, năng suất chè của Nhật Bản đạt gần 8 tấn/ha.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Tự nhiên Trung Quốc có sự phân hóa giữa miền Đông và miền Tây. Sự phân hóa về tự nhiên đã ảnh hưởng lớn đến phân bố dân cư của Trung Quốc. Năm 2023 mật độ dân số của Trung Quốc khá cao khoảng 150 người/km^2. Ở miền Đông mật độ dân số nhiều nơi trên 250 người/km^2, còn miền Tây mật độ dân số phổ biến dưới 50 người/km^2.

a) Giải pháp chủ yếu nhằm thu hút dân cư ở miền Tây Trung Quốc là tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển kinh tế.

b) Miền Tây Trung Quốc dân cư thưa thớt gây nên tình trạng thiếu lao động, ảnh hưởng đến việc khai thác tài nguyên và khó khăn cho phát triển kinh tế.

c) Dân cư Trung Quốc phân bố không đồng đều.

d) Miền Đông Trung Quốc dân cư tập trung đông đúc chủ yếu do có điều kiện tự nhiên thuận lợi và diện tích rộng lớn hơn miền Tây.

3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn *(1,0 điểm). Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2.*

Câu 1. Năm 2023, Nhật Bản có tỉ suất sinh thô là 6,0 ‰, tỉ suất tử thô là 13,0 ‰. Hãy cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Nhật Bản năm 2023 là bao nhiêu phần trăm.

Câu 2. Năm 2023, số dân Liên bang Nga là 143,8 triệu người, sản lượng lương thực có hạt là 136, 7 triệu tấn. Hãy cho biết sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của Liên bang Nga năm 2023 là bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 *(1,0 điểm).* Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên biển đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Câu 2 *(2,0 điểm).* Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại của Nhật Bản giai đoạn 2015 – 2023

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2020	2022	2023
Xuất khẩu	775,1	785,1	916,9	917,0
Nhập khẩu	799,7	798,6	1077,0	981,8
Cán cân thương mại	-24,6	-13,5	-160,1	-64,8

(Nguồn: Số liệu Kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới giai đoạn 2015 – 2023, Nhà xuất bản Thống kê 2025)

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy nhận xét về trị giá xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại của Nhật Bản giai đoạn 2015 – 2023. Tại sao năng lượng và nguyên liệu công nghiệp là các mặt hàng nhập khẩu chính của Nhật Bản?

-------- HẾT ---------

ĐÁP ÁN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH

(HDC có 02 trang)

HDC ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Địa lí 11
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Mã đề 0601

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,0 điểm). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	C	D	A	A	A	D	A	A	B	B	C	C	D	B	C

2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm). Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	**S**	2	a	**S**
	b	**Đ**		b	**S**
	c	**Đ**		c	**Đ**
	d	**Đ**		d	**S**

3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (1,0 điểm): Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2, mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm.

Câu hỏi	Câu 1	Câu 2
Đáp án	**951**	**-0,7**

Mã đề 0602

1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,0 điểm). Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	B	A	A	B	B	B	C	B	B	A	C	C	C	B	D

2. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm). Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	**S**	2	a	**Đ**
	b	**S**		b	**Đ**
	c	**Đ**		c	**Đ**

	d	**S**		d	**S**

3. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (1,0 điểm): Học sinh trả lời câu 1 đến câu 2, mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm.

Câu hỏi	**Câu 1**	**Câu 2**
Đáp án	**-0,7**	**951**

Phần II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	**Nội dung**	**Điểm**
1	**Phân tích ảnh hưởng của tài nguyên biển đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.**	**1,0**
	- Trung Quốc giàu tài nguyên biển, ở thềm lục địa có trữ lượng dầu mỏ, khí tự nhiên lớn thuận lợi phát triển khai thác, chế biến dầu khí. - Vùng biển có nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao tạo thuận lợi cho hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản. - Ven biển có nhiều vũng vịnh thuận lợi để xây dựng cảng biển, phát triển giao thông vận tải biển. - Một số vùng biển, bờ biển, đảo, có nhiều bãi tắm đẹp tiềm năng để phát triển du lịch.	0,25 0,25 0,25 0,25
2	**Dựa vào bảng số liệu trên, hãy nhận xét về trị giá xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại của Nhật Bản giai đoạn 2015 – 2023. Tại sao năng lượng và nguyên liệu công nghiệp là các mặt hàng nhập khẩu chính của Nhật Bản?**	**2,0**
	**** Nhận xét:***	***1,5***
	- Trị giá xuất khẩu tăng (dc). - Trị giá nhập khẩu tăng, tuy nhiên không ổn định (dc). *=> Thưởng điểm: + 0.5 điểm nhưng tổng điểm không vượt quá 1,0 điểm của ý nếu học sinh nhận xét được:* *- Trị giá xuất khẩu nhỏ hơn nhập khẩu (dc).* *=> Học sinh không có dẫn chứng chỉ được ½ số điểm.*	0,5 0,5
	- Giai đoạn 2015 – 2023 cán cân thương mại âm, năm có cán cân thương mại âm lớn nhất là năm 2022 (dc) -> Trong giai đoạn 2015-2023, Nhật Bản là nước nhập siêu. *=> Học sinh không có dẫn chứng chỉ được ½ số điểm.*	0,5
	**** Giải thích:***	***0,5***
	- Nhật Bản nghèo tài nguyên khoáng sản. - Công nghiệp phát triển mạnh đòi hỏi nhu cầu về năng lượng và nguyên liệu lớn.	0,25 0,25
Tổng		**3,0**

Ghi chú: Học sinh có thể diễn đạt và trình bày khác nhưng đảm bảo ý vẫn cho điểm tối đa.

---------- **Hết**----------